

# Tin doanh nghiệp

Vnindex: 1055 VN30: 1064

## Đại hội cổ đông VPB

### Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)

Chiều ngày 18/04, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank, HOSE: VPB) tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 nhằm thông qua kế hoạch kinh doanh, chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và chào bán cổ phiếu quỹ cho người lao động...



VPBank đặt mục tiêu đến cuối năm 2023, tổng tài sản đạt 877,460 tỷ đồng, tăng 39% so với đầu năm. Vốn huy động (tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá) và dư nợ cấp tín dụng tăng lần lượt 41% và 33%, đạt 518,192 tỷ đồng và 635,972 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng riêng lẻ (theo Thông tư 11) sẽ dưới 3%.

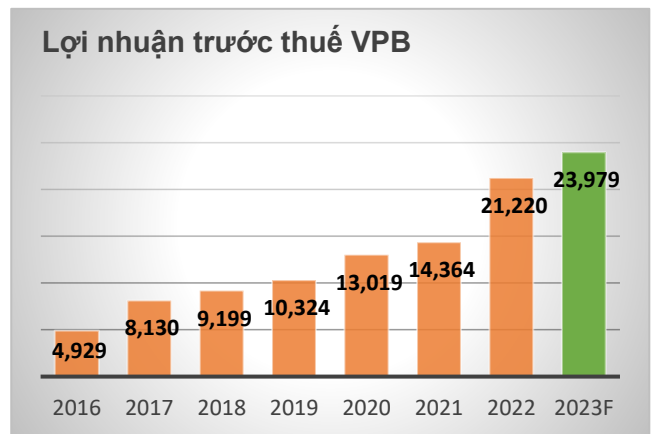
Theo đó, **VPBank đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 24,003 tỷ đồng, tăng 13% so với kết quả năm 2022.**

VPBank cho biết chỉ tiêu năm 2023 được đề ra dựa trên giả định/phân tích kịch bản tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và năng lực thực tế của Ngân hàng.

Với kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2022 khi thu về 21,220 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 48% so với năm 2021, VPBank lên kế hoạch chi trả cổ tức 2022

bằng tiền mặt với tỷ lệ thực hiện là 10%/cp (01 cp được nhận 1,000 đồng), tỷ lệ này được tính trên tổng số cổ phiếu lưu hành mới sau các đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP và chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài.

Qua đó, tổng số tiền dự kiến chi trả cổ tức bằng tiền mặt gần 7,934 tỷ đồng. Thời gian thanh toán dự kiến vào quý 2-3/2023. Trong chiến lược 5 năm phát triển, ngân hàng định hướng chia cổ tức tiền mặt trong 5



năm liền. Vốn của VPBank đủ để duy trì tăng trưởng cao trong 5 năm tiếp theo và đủ dành ra 30% lợi nhuận hàng năm để chia cổ tức tiền mặt cho các cổ đông.

## Chào bán hơn 30 triệu cp quỹ cho người lao động

VPBank trình cổ đông phương án sử dụng cổ phiếu quỹ do Ngân hàng đang nắm giữ để bán cho cán bộ nhân viên (CBNV) theo chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn dành cho cán bộ nhân viên (ESOP) năm 2023.

Cụ thể, Ngân hàng sẽ bán hơn 30.2 triệu cp quỹ cho người lao động với mức giá dự kiến là 10,000 đồng/cp, tương đương tỷ lệ phát hành là 0.45% trên tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Tổng số tiền hơn 302 tỷ đồng thu được từ việc chào bán cho người lao động sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho Ngân hàng.

### Tăng vốn thêm hơn 11,905 tỷ đồng thông qua chào bán riêng lẻ

Một nội dung quan trọng được VPBank trình cổ đông là phương án chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài để tăng vốn điều lệ và nâng tổng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VPBank lên đến tối đa 30% vốn điều lệ.

Cụ thể, Ngân hàng dự kiến chào bán gần 1.2 tỷ cp, tương đương 15% vốn cho nhà đầu tư chiến lược là Sumitomo Mitsui Banking Corporation (tính trên vốn điều lệ của VPBank sau khi hoàn thành việc phát hành cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài). Giá chào bán dự kiến 30,159 đồng/cp. Như vậy ước tính giá trị thương vụ đạt khoảng hơn 35,900 tỷ đồng. Thời gian chào bán dự kiến trong quý 2-3/2023, sau khi có sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

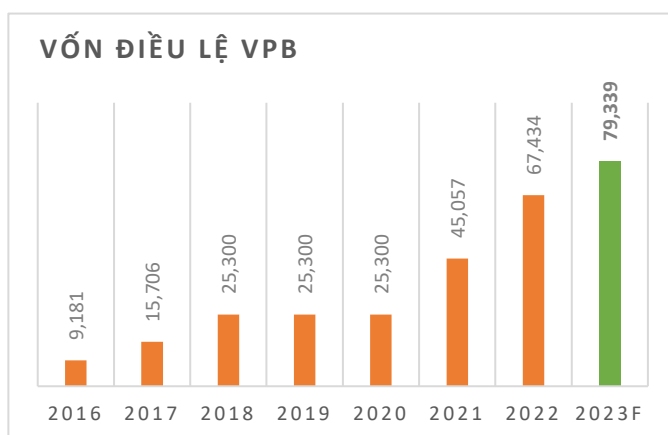
Việc đạt thỏa thuận với SMBC về thương vụ phát hành riêng lẻ 15%, tương đương quy mô 35.900 tỷ đồng là một trong những động lực tăng trưởng của ngân hàng trong năm 2023. Theo dự kiến của VPBank, thương vụ dự kiến sẽ được thực hiện trong quý II hoặc quý III/2023.

Khoản đầu tư từ SMBC sẽ mang lại cho VPBank 35.900 tỷ đồng vốn cấp 1, nâng tổng vốn chủ sở hữu của VPBank từ 103.500 tỷ đồng lên xấp xỉ 140.000 tỷ đồng, trở thành ngân hàng có vốn chủ lớn nhất hệ thống.

**Dự kiến sau đợt chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược, vốn điều lệ của VPBank sẽ tăng thêm 11,905 tỷ đồng, lên mức hơn 79,339 tỷ đồng.**

Với nguồn vốn tăng thêm từ việc chào bán, Ngân hàng dự kiến trích 5,000 tỷ đồng để tăng trưởng nguồn vốn trung, dài hạn nhằm phục vụ nhu cầu cấp tín dụng của khách hàng; 6,000 tỷ đồng được dùng để đầu tư góp vốn mua cổ phần vào công ty chứng

khoán, công ty bảo hiểm và các kế hoạch đầu tư góp vốn khác; còn lại 905 tỷ đồng sẽ được đầu tư vào hạ tầng, cơ sở vật chất, phát triển hệ thống công nghệ thông tin lớn... phục vụ cho nhu cầu phát triển của Hội



sở và mạng lưới chi nhánh, trang bị các máy móc thiết bị hiện đại phục vụ nhu cầu của khách hàng, mở rộng/sửa chữa/cải tạo hệ thống mạng lưới chi nhánh.

Thông qua chào bán riêng lẻ, Ngân hàng trình cổ đông thông qua việc nâng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại VPBank lên mức tối đa 30% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

Tại đại hội, cho biết hiện VPBank đầu tư hơn 30.000 tỷ trái phiếu doanh nghiệp (TPDN), giảm 5.000 tỷ đồng so với cuối 2022. Trong đó, gần 60% là trái phiếu bất động sản, 40% là trái phiếu doanh nghiệp ở các lĩnh vực khác. Dự kiến đến cuối tháng 6, giá trị đầu tư TPDN của VPBank sẽ giảm về 20.000 tỷ đồng.

Trong nhóm trái phiếu bất động sản, VPBank đang tham gia đầu tư vào hơn 40 nhà phát triển và không có nhà đầu tư nào chiếm quá 1% tổng dư nợ. Đồng thời, 100% TPDN do ngân hàng nắm giữ để có tài sản bảo đảm và VPBank đóng vai trò quản lý tài sản bảo đảm này. Cũng theo chia sẻ của lãnh đạo VPBank, “Novaland là một trong 44 nhà phát triển bất động sản mà ngân hàng tham gia đầu tư. Số dư nợ trái phiếu của Novaland tại ngân hàng không nhiều, dưới 1% tổng dư nợ và có tài sản bảo đảm.

Ngoài ra, VPBank đang sở hữu hơn 30.000 tỷ trái phiếu chính phủ. Theo đánh giá của ngân hàng, đây là tài sản có thanh khoản tốt. Năm ngoái, VPBank đã giảm khoản đầu tư này xuống mức tối thiểu nhưng có kế hoạch tăng tỷ trọng đầu tư trong năm nay.

## Chỉ số tài chính VPB

	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Vốn điều lệ	15,706	25,300	25,300	25,300	45,057	67,434
Thu nhập lãi thuần	20,614	24,702	30,670	32,346	34,349	41,021
Lợi nhuận sau thuế	6,441	7,356	8,260	10,414	11,651	16,924
Tổng Huy Động	133,551	170,851	213,950	233,428	241,837	303,151
Tổng Cho Vay	182,666	221,962	257,184	290,816	355,281	438,338
Tổng thu nhập hoạt động - TOI	25,026	31,086	36,356	39,033	44,301	57,797
Thu nhập lãi ròng - NII	20,614	24,702	30,670	32,346	34,349	41,021
Vốn chủ sở hữu/Huy động	22.2%	20.3%	19.7%	22.6%	35.7%	34.1%
Cho vay/Vốn Chủ Sở Hữu	6.15	6.39	6.09	5.51	4.11	4.23
Tỷ lệ trích lập dự phòng/Dư nợ	1.7%	1.6%	1.6%	1.5%	2.7%	3.1%
Chi phí dự phòng/Thu nhập lãi thuần	38.8%	45.6%	44.6%	45.2%	55.3%	54.8%
Tỷ lệ cho vay/TTS	65.8%	68.7%	68.2%	69.4%	64.9%	69.5%
CAGR Tổng tài sản (5 năm)	22.0%	21.7%	18.2%	16.7%	19.1%	17.8%
CAGR Vốn chủ sở hữu	35%	35%	36%	32%	38%	28%
NIM	8.0%	8.2%	8.8%	8.3%	6.9%	7.2%
ROA (%)	2.3%	2.3%	2.2%	2.5%	2.2%	2.9%
ROE (%)	21.7%	21.2%	19.6%	19.7%	13.7%	17.6%
Equity multiplier (TS/VCSH)	9.4	9.3	8.9	7.9	6.3	6.1
Tỷ lệ Nợ xấu	3.4%	3.5%	3.4%	3.4%	4.5%	5.7%
Nợ xấu	6,200	7,766	8,798	9,924	15,887	25,137
Dự phòng/Nợ Xấu (LLR)	50.8%	45.9%	46.4%	45.3%	60.9%	54.4%
Tỷ lệ nợ 5/Nợ từ nhóm 2	5.7%	9.6%	9.7%	8.3%	3.3%	14.6%